

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Sơ
- Ông Nguyễn Đức Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã G, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn B2, sinh năm 1972. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: KP G, R, thị xã Đông Hòa, Phú Lâm. Nơi ở: Tiểu khu A, xã G, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị B trình bày như sau:

Bà và ông Đỗ Văn B2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Ông bà đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 10/01/2016 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống bất đồng nên xảy ra cãi cọ. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống nên bà đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn B2.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017. Hiện tại, cháu đang ở với bà. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị ông B2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại đơn đề nghị của bị đơn gửi Tòa án, ông Đỗ Văn B2 có ý kiến như sau:

Ông và bà Đào Thị B kết hôn từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Ông bà đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Mai Sơn vào ngày 10/01/2016 và được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi có những bất đồng về cách sống, quan điểm sống, đặc biệt là vấn đề con chung con riêng. Việc mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Qua thời gian sống ly thân kéo dài, ông xác định không còn khả năng quay lại với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn với chị Đào Thị B. Tuy nhiên, do hiện nay ông đang công tác ở xa, không thể thu xếp thời gian về Tòa án giải quyết nên ông đã đề nghị bà B nộp đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xem xét giải quyết ly hôn cho ông bà.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung là cháu Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017. Từ khi ly thân đến nay, cháu ở cùng với mẹ. Ông bà thống nhất khi ly hôn, cháu Q do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Ông không cấp dưỡng định kỳ, nhưng sẽ cấp dưỡng theo khả năng nên không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không thể tham gia hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự và được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Đào Thị B và ông Đỗ Văn B2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017 cho bà Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông B2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu phí xin ly hôn theo quy định nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Đào Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với ông Đỗ Văn B2, địa chỉ tại: Tiểu khu A, xã G, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Thị B và ông Đỗ Văn B2.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đào Thị B và ông Đỗ Văn B2 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2016, ông bà đã được UBND xã G, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2016. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó ông bà là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không giải quyết được bất đồng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn quan tâm đến nhau. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, bà B và ông B2 đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B và ông B2 đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị B, xử cho bà B được ly hôn với ông Đỗ Văn B2.

[2.2] *Về con chung*: Ông B2 và bà B xác nhận có 01 con chung là Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà đều thống nhất trường hợp ly hôn, bà B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Q đến tuổi trưởng thành và không đề nghị giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ.

Hội đồng xét xử xét bà B và ông B2 đã thống nhất với nhau về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Do đó, thỏa thuận của ông bà không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, giao cháu Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017 cho bà Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận việc bà B không yêu cầu ông B2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

[2.3] *Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*: Bà B và ông B2 thống nhất xác nhận không có tài sản chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân*: Bà B và ông B2 thống nhất xác nhận không có nợ chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Bà Đào Thị B phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị B và ông Đỗ Văn B2.
2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trúc Q, sinh ngày 09/02/2017 cho bà Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Ghi nhận thỏa thuận việc bà B không yêu cầu ông B2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.
- Sau khi ly hôn, ông B2 được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
3. Về tài sản chung vợ chồng: Bà B và ông B2 xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.
4. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
5. Về án phí: Bà Đào Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000288 ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã G, huyện Mai Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tẻnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

